



THƯ GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI

INTRODUCTION LETTER OF THI NAI PORT J.S COMPANY

Kính gửi / To: QUÝ KHÁCH HÀNG / CUSTOMERS

Công ty CP Cảng Thị Nại nguyên là DNNN Cảng Thị Nại được thành lập theo quyết định số 47/QĐ-UB ngày 05/01/1994 của UBND Tỉnh Bình Định. Từ tháng 01/2010, DNNN Cảng Thị Nại Được thực hiện cổ phần hóa cho đến tháng 06/2015, sau khi UBND tỉnh Bình Định thực hiện thoái toàn bộ vốn Nhà nước, Công ty CP Cảng Thị Nại trở thành công ty cổ phần tư nhân 100%. Sau giai đoạn cổ phần hóa, Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng nỗ lực cải tiến về quản lý, từng bước ổn định bộ máy tổ chức và đề ra nhiều biện pháp chỉ đạo quyết liệt. Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư nâng cấp trang thiết bị cảng và cầu bến nhằm nâng cao năng lực xếp dỡ và dịch vụ cho khách hàng trong khu vực nên hoạt động SXKD đã có sự tăng trưởng cao, bảo đảm năng suất chất lượng và hiệu quả kinh tế, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, việc làm và thu nhập đời sống người lao động được ổn định và ngày càng nâng cao.

Thi Nai Port Joint Stock Company, previously a state-owned enterprise, was established in accordance with Decision No. 47/QĐ-UB dated 05/01/1994 by the People's Committee of Binh Dinh Province. In January 2010, Thi Nai Port had been equitized. Since June 2015, after the People's Committee of Binh Dinh Province withdrew all state capital, Thi Nai Port Joint Stock Company became a fully private owned joint stock company. Being a joint stock company, the Board of Directors has constantly improved the management, gradually stabilized the organization, and drastically set up many directing measures. In addition, the company has invested capital in upgrading port facilities and berths to improve loading and unloading capacity and services provided to customers in the area. The company has also improved the economic efficiency, fulfilled obligations to pay tax and contribution to the state budget, increased salary and income for workers and employees.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BOARD OF DIRECTORS

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------|
| - Bà /Mrs. Đồng Thị Ánh | Chủ tịch / Chairwoman |
| - Bà /Mrs. Lâm Ánh Vy | Phó Chủ tịch / Vice Chairwoman |
| - Bà /Mrs. Đồng Thị Quỳnh Hương | Thành viên / Board member |

2. BAN ĐIỀU HÀNH / MANAGEMENT BOARD

- | | |
|-------------------------|--|
| - Bà /Mrs. Đồng Thị Ánh | Giám đốc / Director |
| - Ông/Mr. Hồ Liên Nam | Phó Giám đốc / Vice Director, Business Development |

3. CẦU BẾN / *BERTHS*

| Tên/số hiệu <i>Names/ Number</i> | Dài (m) <i>Length</i> | Sâu (m) <i>Depth</i> | Năng lực tiếp nhận tàu (tấn) <i>Vessel capacity (tons)</i> | Loại hàng <i>Commodity</i> |
|---|--------------------------|-------------------------|---|---------------------------------|
| Cầu số 1 (30.000 DWT) <i>Berth No. 1</i> | 160 | -9.6 | 30,000 | Tổng hợp <i>General/Bulk</i> |
| Cầu số 2 (5.000 DWT) <i>Berth No. 2</i> | 123 | -8.0 | 8,000 | Tổng hợp <i>General/Bulk</i> |

4. LUỒNG VÀO CẢNG / *GATEWAY CHANNEL*

Chiều dài luồng / *Length* : 6 km

Độ sâu luồng / *Depth* : - 11 m

Chiều rộng luồng / *Breadth* : 110 m

Vùng nước trước cầu / *Waterfront* : > 30 ha

Chế độ thủy triều / *Tidal regime* : Bán nhật triều không đều / *Irregular semidiurnal*

Mức thủy triều cao nhất / *Max* : + 2.2 m

Mức thủy triều thấp nhất / *Min* : - 0.5 m

Chênh lệch bình quân / *Variation* : 2 m

Mớn nước cao nhất tàu ra/vào / *Max draft* : - 13.8 m

Thời gian khai thác trong ngày / *Operation time* : 24/24 h

Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được / *Max vessel accepted*: 30,000DWT

5. KHO BÃI / WAREHOUSES & YARD

Tổng diện tích mặt bằng / *Total area*: 30,700 m²

Hệ thống kho hàng / *Warehouses*: 05 kho hàng khô với tổng diện tích là 4.540m² / *05 dry warehouses with total area of 4,540 m²*

Hệ thống bãi / *Yard*: 12,000m²

- Bãi sau cầu tàu 30,000 DWT / *After 30,000DWT Berth No.1*: 8,000 m²
- Bãi sau cầu tàu 5.000 DWT / *After 5,000DWT Berth No.2*: 4,000 m²

6. PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ / EQUIPMENT, FACILITY

| Loại thiết bị <i>Equipment</i> | Số lượng <i>Quantity</i> | Sức nâng/tải/công suất <i>Capacity</i> |
|---|-----------------------------|---|
| Cẩu bờ <i>Crane</i> | 10 | 25 – 100 tấn / <i>tons</i> |
| Xe nâng <i>Forklift</i> | 02 | 2,5 – 7 tấn / <i>tons</i> |
| Xe ủi, đào <i>Excavator/Bulldozer</i> | 04 | 1,5m ³ – 1,7m ³ |
| Cân ô tô điện tử <i>Weight station</i> | 02 | 80 - 100 tấn / <i>tons</i> |
| Xe đầu kéo <i>Truck</i> | 10 | 35 tấn / <i>tons</i> |

5. NĂNG SUẤT XÉP DỠ / *PRODUCTIVITY*

| Mặt hàng <i>Commodity</i> | Năng suất xếp dỡ (tấn/máng/ca) <i>Productivity (tons/crane/shift)</i> |
|---|--|
| Hàng xi măng, phân bón, đường bao <i>Cement, Fertilizer, Sugar ... in bags</i> | 250 – 270 <i>(2,000- 2,200 tons/day)</i> |
| Hàng rời, thức ăn gia súc <i>Bulk cargo, animal feed</i> | 550 – 700 <i>(5,500- 6,000 tons/day)</i> |

6. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ CÁC MẶT HÀNG CHỦ YẾU THÔNG QUA CẢNG / *BUSINESS SCOPE AND MAIN HANDLED COMMODITY:*

Công ty CP Cảng Thị Nại cung ứng các dịch vụ sau / *Business scope:*

- Bốc xếp hàng hóa; giao nhận; cung ứng điện nước; cân ô tô điện tử; môi giới dịch vụ vận tải tàu biển, ô tô; lai dắt tàu biển
Cargo handling, stevedoring, packaging; brokerage, forwarding, utilities; weighing service; vessel & shipping agent; pilotage & tugboat services
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc
Warehouse, yard and office leasing
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển, ô tô, dịch vụ kiểm định kỹ thuật phương tiện cơ giới đường bộ
Vessel repairing and machanical services
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, nông sản, khoáng sản
Building materials, agricultural products, mineral resources trading
- Cho thuê thiết bị cầu nâng hàng
Cargo handling equipment leasing

Các mặt hàng thông qua Cảng Thị Nại với tổng sản lượng khoảng 1.200.000 tấn / năm, trong đó chủ yếu bao gồm các mặt hàng như xi măng, tinh bột sắn, mật rỉ, đá granite, đường kính, sắt thép, phân bón, nguyên liệu thức ăn gia súc và các mặt hàng khác.

Main commodities handled by Thi Nai Port Joint Stock Company, some 1,200,000 tons per year, include cement, tapioca starch, sugar, granite stone, rolled steel, fertilizer, animal feed and others.

7. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN 2019 / DEVELOPMENT PLAN FOR 2019

Trong năm 2019, Cảng Thị Nại tiếp tục đầu tư nâng cấp năng lực cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua các hoạt động cụ thể như sau:

In 2019, Thi Nai Port Joint Stock Company will continue our investment to upgrade our handling capacity and services provided to customers such as the followings:

- Nâng cấp cầu cảng 5.000 DWT lên 7.500DWT; đầu tư thêm các thiết bị xếp dỡ mới
Upgrade Berth No.2 from 5,000DWT to 7,500DWT and buy new equipment and facility
- Xây mới khu văn phòng làm việc cho nhân viên kết hợp dịch vụ lưu trú, giải tỏa khu văn phòng hiện tại để mở rộng diện tích kho bãi sau cầu cảng
Build a new working office for our employees, combined with lodging service; destruct the current office to open the new warehouse and widen the yard
- Đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ hậu cần logistics và kho bãi với diện tích 85ha tại đường Quốc lộ 19 mới Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định
Invest in a new logistics center and warehouses with total area of 85ha at the new 19th national road in Phuoc Loc Commune, Tuy Phuoc District, Binh Dinh Province

8. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ / LOCATION AND CONTACT POINT:

- Vị trí Cảng Thị Nại / *Location*: 13°46'N – 109°15'16"E
- Điểm đón trả hoa tiêu / *Pilot pickup position*: 13°44'19"N – 109°15'16"E
- Địa chỉ liên lạc: 02 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Address: 02 Tran Hung Dao Str., Quy Nhon City, Binhdinh Prov., VN
Tel.: +84 256 3892991
Email: thinaiport@vnn.vn
Website: <http://thinaiport.com.vn>